

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1750/BTTTT-CNTT

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển
và ứng dụng CNTT năm 2013 và giai đoạn
2013-2015

Hà Nội, ngày 9 tháng 7 năm 2012

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Triển khai Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 18/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013-2015, để đảm bảo đồng bộ, hiệu quả trong việc triển khai Đề án đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin-truyền thông (Quyết định 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010), Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 (Quyết định 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010), Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng đề nghị Quý Cơ quan chỉ đạo xây dựng kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT năm 2013 và giai đoạn 2013-2015 gồm 5 nội dung chính như sau:

- Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước;
- Phát triển công nghiệp CNTT;
- Thúc đẩy phát triển và ứng dụng phần mềm nguồn mở;
- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin;
- Các nội dung khác thuộc Đề án đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT như: phát triển nhân lực, hạ tầng, đưa thông tin số đến hộ gia đình, nghiên cứu phát triển....

Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết lập Kế hoạch các nội dung nêu trên như trong các Phụ lục kèm theo công văn này.

Kế hoạch của Quý Cơ quan sau khi được phê duyệt đề nghị gửi một bản về Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp và theo dõi.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính đề nghị Quý Cơ quan khẩn trương chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TTr. Trần Đức Lai;
- Sở TTTT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Lưu VT, UDCNTT(10), CNTT(10), VNCERT(10).

KT. BỘ TRƯỞNG
TRƯỞNG


Nguyễn Minh Hồng

Phụ lục I
HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT
TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC NĂM 2013

*(Kèm theo Công văn số 1750/BTTTT-CNTT ngày 09 tháng 7 năm 2012
của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

A. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Để triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2013 phù hợp với Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 và Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2011-2015 của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung sau đây:

I. Đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 tại địa phương sau 02 năm thực hiện, nêu rõ kết quả đạt được; các hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân đối với từng nhiệm vụ cụ thể. Báo cáo dự kiến kết quả thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2012 của địa phương, so sánh với các mục tiêu đặt ra trong Kế hoạch ứng dụng CNTT 2011-2015 của Cơ quan, làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2013 bảo đảm tính khả thi, hiệu quả.

II. Xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2013, với các nội dung sau:

1. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng Kế hoạch

- Mục tiêu:

+ Xác định rõ các nhiệm vụ triển khai ứng dụng CNTT năm 2013 nhằm thực hiện các mục tiêu cơ bản trong Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 và Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2011-2015 của tỉnh/thành phố.

+ Làm căn cứ xây dựng dự toán chi ngân sách cho ứng dụng CNTT năm 2013 và giai đoạn 2013 – 2015 của tỉnh/thành phố.

+ Làm căn cứ để tổng hợp, quản lý và phát triển ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước trên phạm vi cả nước.

- Yêu cầu:

+ Các đơn vị căn cứ tiến độ, tình hình thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2012 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định nhu cầu dự toán chi năm 2013 để đảm bảo nguồn lực tài chính tiếp tục triển khai các nội dung, danh mục dự toán đã được phê duyệt.

+ Kế hoạch, dự toán chi ứng dụng CNTT năm 2013 xây dựng phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu tổ chức triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo chiến lược phát triển ứng dụng CNTT của địa phương.

+ Kế hoạch, dự toán chi ứng dụng CNTT năm 2013 phải được xây dựng, đảm bảo thống nhất gồm các nhóm nội dung: các dự án ứng dụng CNTT (dự án chuyển tiếp; dự án mới; dự án chuẩn bị đầu tư); các hoạt động ứng dụng CNTT lập đề cương và dự toán chi tiết; các hoạt động ứng dụng CNTT không phải lập dự án, không phải lập đề cương và dự toán chi tiết; trong đó đối với các dự án mới: chỉ đưa vào kế hoạch, danh mục dự toán các dự án đã có trong Kế hoạch 5 năm ứng dụng CNTT được duyệt hoặc đã có quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp tại thời điểm lập dự toán mà dự án chưa đáp ứng đủ điều kiện này thì phải hoàn thành thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định. Đến trước ngày 31/10/2012, dự án chưa được phê duyệt hoặc chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư thì không đủ điều kiện đăng ký kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2013.

+ Dự toán chi ứng dụng CNTT phải được xây dựng dựa trên khối lượng công việc cụ thể, các tiêu chuẩn, định mức, định mức chi phí (đơn giá) đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đối với các nội dung chưa có định mức chi phí và chưa có hướng dẫn về lập dự toán chi phí, dự toán được xây dựng dựa vào khối lượng công việc cụ thể, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của Nhà nước và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Định hướng nội dung ứng dụng CNTT năm 2013

Căn cứ hiện trạng, định hướng ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, nhằm từng bước xây dựng chính quyền điện tử cấp tỉnh giai đoạn 2011 - 2015, năm 2013, đề nghị các địa phương nghiên cứu, ưu tiên triển khai các nội dung chủ yếu sau:

- Hệ thống thư điện tử và Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành:

+ Bảo đảm tối thiểu 30% văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

+ Quán triệt thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước, trong đó tập trung các nội dung sau đây:

Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động nội bộ của mỗi cơ quan nhà nước các cấp: Các cơ quan nhà nước từ cấp sở, ban, ngành, quận, huyện

tại các địa phương trở lên sử dụng hiệu quả hệ thống thư điện tử để trao đổi các loại văn bản sau đây trong nội bộ mỗi cơ quan: Giấy mời họp nội bộ; tài liệu phục vụ họp; văn bản đề biết, đề báo cáo; thông báo chung của cơ quan; các tài liệu cần trao đổi trong quá trình xử lý công việc; từng bước ứng dụng rộng rãi hệ thống thư điện tử đến cấp xã, phường tại các địa phương; các cơ quan nhà nước từ cấp sở, ban, ngành, quận, huyện tại các địa phương trở lên đã được trang bị hệ thống quản lý văn bản và điều hành sử dụng hiệu quả hệ thống này để trao đổi các thông tin sau: Thông tin chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo; lịch công tác cơ quan; các chương trình, kế hoạch của cơ quan; công văn; Từng bước ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành đến cấp xã, phường tại các địa phương; Khuyến khích trao đổi các loại văn bản khác trong hoạt động nội bộ mỗi cơ quan nhà nước qua mạng tại tất cả các cấp.

Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trao đổi giữa các cơ quan nhà nước với nhau, hoặc giữa cơ quan nhà nước với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác: Sử dụng hiệu quả hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống quản lý văn bản và điều hành (nếu các hệ thống quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan đã được kết nối với nhau) để gửi, nhận văn bản hành chính giữa các cơ quan nhà nước với nhau, hoặc với các cơ quan khác, tiến tới thay thế dần văn bản giấy; khuyến khích việc trao đổi các loại hồ sơ công việc và văn bản khác giữa các cơ quan, tổ chức qua mạng đến tất cả các cấp.

- Cổng/trang thông tin điện tử:

+ Cần được hoàn thiện, nâng cấp, bảo đảm 70% các cơ quan (đến cấp sở, ban, ngành, quận, huyện) có cổng/trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin được quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

+ Đảm bảo thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 thuộc nhóm dịch vụ công được ưu tiên triển khai nêu tại Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông: Chọn lựa nội dung phù hợp với địa phương để triển khai tại một số đơn vị điểm, từ đó đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm để triển khai trên diện rộng ở giai đoạn tiếp theo. Trước hết nên triển khai tại những khu vực có mật độ dân số cao, có đòi hỏi lớn hơn về nhu cầu giải quyết các thủ tục hành chính.

- Triển khai ứng dụng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin: Tăng cường triển khai quản lý an toàn thông tin số theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 27001:2009; triển khai các giải pháp bảo đảm chống virus, mã độc hại cho máy tính cá nhân; triển khai giải pháp lưu nhật ký đối với các hệ thống thông tin quan trọng, các cổng, trang thông tin điện tử; bố trí cán bộ chuyên trách quản lý về an toàn thông tin cho đơn vị; tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức về an toàn

thông tin; ứng dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng để bảo đảm an toàn cho các trao đổi thư điện tử, văn bản điện tử.

- **Thúc đẩy nâng cao nhận thức và đào tạo nguồn nhân lực các cấp về ứng dụng CNTT trong cơ quan nước:** Ưu tiên đào tạo các nội dung về an toàn, an ninh thông tin và các nội dung về quản lý đầu tư theo Nghị định 102/2009/NĐ-CP ngày 6/11/2009 của Chính phủ.

3. Khung nội dung Kế hoạch

Khung Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2013 được nêu chi tiết trong mục B của Phụ lục I này.

4. Kinh phí triển khai Kế hoạch

- Kinh phí triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh/thành phố được cân đối trong kế hoạch ngân sách hàng năm của địa phương.

- Trên cơ sở Kế hoạch ứng dụng CNTT được phê duyệt, dự toán kinh phí cụ thể cho các nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong Kế hoạch được lập và tổng hợp cùng với dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2013 của tỉnh/thành phố. Trình tự và thời gian lập dự toán ngân sách năm 2013 thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Phê duyệt Kế hoạch

Các tỉnh/thành phố xây dựng và phê duyệt Kế hoạch của mình (bảo đảm kịp thời gian xây dựng dự toán ngân sách năm 2013 cho các nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong Kế hoạch).

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị Quý cơ quan phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông.

B. KHUNG KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2013

I. Căn cứ lập Kế hoạch

Nêu những căn cứ để xây dựng Kế hoạch, cụ thể như: Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015; Quyết định của UBND tỉnh/thành phố phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2011-2015 của tỉnh/thành phố;...

II. Hiện trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước

Đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 sau 02 năm thực hiện; nêu rõ kết quả đạt được; các khó khăn, tồn tại về các nội dung ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước của tỉnh/thành phố và nguyên nhân đối với từng nội dung cụ thể (thống kê tối thiểu đến cấp quận/huyện, sở/ban/ngành). Cụ thể gồm:

1. Môi trường pháp lý

Đánh giá về việc ban hành các văn bản quy hoạch, kế hoạch, chính sách,... để ưu tiên phát triển ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước.

2. Hạ tầng kỹ thuật

Đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước tại địa phương (*Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC; tỷ lệ các cơ quan trực thuộc có LAN, kết nối Internet tốc độ cao, kết nối WAN; hạ tầng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin...*).

3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước

Đánh giá hiện trạng ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước theo các mặt như: phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; phục vụ các công tác khác;...

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Báo cáo thực trạng ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp (so sánh nhu cầu và khả năng đáp ứng); đánh giá hiệu quả KT-XH của các hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp về các mặt như: cung cấp dịch vụ công trực tuyến (mức độ, số lượng dịch vụ cung cấp,...); ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa;...

5. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

Đánh giá hiện trạng về việc bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ ứng dụng CNTT, cụ thể như: cơ cấu tổ chức quản lý CNTT các cấp; trình độ, kỹ năng ứng dụng CNTT của các cán bộ chuyên trách, cán bộ, công chức ứng dụng CNTT;...

6. Báo cáo về kinh phí thực hiện Kế hoạch năm 2012

a) Đối với các dự án thực hiện theo quy trình quản lý đầu tư sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển:

- Đánh giá tình hình và tiến độ thực hiện đầu tư năm 2012: Nêu rõ mục tiêu cần phải đạt được của từng dự án trong năm 2012. Kết quả thực hiện trong 6 tháng đầu năm và dự kiến thực hiện trong 6 tháng cuối năm, trong đó báo cáo rõ dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, dự án hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư, chi tiết tiến độ thực hiện đầu tư đối với từng dự án. Trên cơ sở đó đánh giá cụ thể mức độ hoàn thành mục tiêu đầu tư năm 2012 đối với dự án lớn, trọng điểm của

địa phương, nêu rõ các tồn tại vướng mắc trong quá trình thực hiện đầu tư trong năm 2012, nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục.

- Đánh giá tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2012: Báo cáo giá trị khối lượng thực hiện đến hết tháng 6/2012, vốn thanh toán đến hết tháng 6/2012 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện đến 31/12/2012 và vốn thanh toán đến 31/01/2013 của tất cả các nguồn vốn đã bố trí trong dự toán; kèm theo biểu phụ lục chi tiết từng dự án, có số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết kế hoạch năm 2011, kế hoạch vốn năm 2012 theo các nội dung như trên.

- Đánh giá tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành: Báo cáo rõ về các dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trong 6 tháng đầu năm 2012 (số dự án, tổng giá trị quyết toán được phê duyệt); các dự án chậm quyết toán tính đến 30/6/2012 (số dự án chậm thẩm tra phê duyệt quyết toán; số dự án chậm lập báo cáo quyết toán: nêu rõ thời gian khởi công - hoàn thành của dự án và thời gian chậm lập quyết toán so với quy định, nguyên nhân và giải pháp xử lý).

b) Đối với các dự án, nhiệm vụ thực hiện bằng nguồn kinh phí thường xuyên:

Căn cứ kế hoạch, danh mục dự toán triển khai ứng dụng CNTT năm 2012 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện đánh giá cụ thể tình hình thực hiện danh mục dự toán theo các nội dung lập dự án; nội dung đề cương và dự toán chi tiết; nội dung không lập dự án, đề cương và dự toán chi tiết. Trên cơ sở đó báo cáo tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2012 đối với từng danh mục và dự kiến khả năng giải ngân cả năm 2012. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn vướng mắc trong tổ chức thực hiện và đề xuất giải pháp tăng cường triển khai công tác ứng dụng CNTT năm 2012 và những năm tiếp theo.

Xây dựng Bảng tổng hợp chung đánh giá về nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ đáp ứng các mục tiêu cần đạt. Khả năng cân đối của ngân sách địa phương và thu hút nguồn vốn hợp pháp khác (vốn xã hội hóa), cụ thể như sau:

TT	Tên dự án/nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến tổng kinh phí		Vốn đã bố trí hết năm 2011		Vốn bố trí năm 2012		Nhu cầu kế hoạch 2013	
					Ngân sách địa phương	Vốn hợp pháp khác*	Ngân sách địa phương	Vốn hợp pháp khác*	Ngân sách địa phương	Vốn hợp pháp khác*	Ngân sách địa phương	Vốn hợp pháp khác*
1												
2												

- Đối với các nhiệm vụ thực hiện từ nguồn kinh phí chi thường xuyên có thể làm thành biểu riêng, trong đó nêu rõ phần kinh phí chi từ ngân sách địa phương, phần hỗ trợ từ ngân sách Trung ương;

Đối với các nhiệm vụ được xây dựng thành các dự án đầu tư phát triển nêu rõ phần vốn đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương, phần vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương (nếu có) và phần vốn do doanh nghiệp đầu tư (xã hội hóa).

III. Mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2013

- Tập trung các nhiệm vụ ưu tiên triển khai năm 2013 và giai đoạn 2013-2015 phù hợp với các mục tiêu của Quyết định 1605/QĐ-TTg và mục tiêu thuộc Kế hoạch ứng dụng CNTT 2011-2015 của địa phương.

- Các mục tiêu cần cụ thể, định lượng, dễ theo dõi và đánh giá kết quả. Một số mục tiêu cơ bản như sau:

+ Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước: gồm chỉ tiêu về việc trao đổi văn bản điện tử qua mạng, ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý cán bộ, tài chính- kế toán, các nghiệp vụ khác,...

+ Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp: gồm chỉ tiêu về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến (số lượng dịch vụ, mức độ cung cấp trực tuyến); ứng dụng tại bộ phận một cửa (tỷ lệ đơn vị được ứng dụng, mức độ ứng dụng);...

+ Mục tiêu ứng dụng CNTT về các lĩnh vực khác.

IV. Nội dung kế hoạch

Xác định rõ những nội dung ứng dụng CNTT của tỉnh/thành phố năm 2013. Trong đó, bảo đảm việc xây dựng, kết nối và khai thác triệt để hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin quy mô quốc gia, đồng thời có khả năng mở rộng kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin các cấp trong tương lai. Một số nội dung cơ bản như sau:

1. Hạ tầng kỹ thuật: *Xác định rõ nội dung phát triển hạ tầng kỹ thuật các cấp (có thể tới cấp phường, xã) như trang bị máy tính, mạng máy tính kết nối trong mỗi đơn vị, giữa đơn vị các cấp; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; ứng dụng chữ ký số... Chú ý phát triển hạ tầng phải hướng tới phục vụ các mục tiêu ứng dụng CNTT cụ thể.*

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước: *Xác định rõ nội dung phát triển các hệ thống thư điện tử, phần mềm quản lý văn bản và điều hành theo hướng tăng cường chức năng chỉ đạo, điều hành, mở rộng sự kết nối liên thông giữa các cấp; phát triển các ứng dụng nâng cao hiệu quả quản lý nội bộ như quản lý cán bộ, tài chính- kế toán, chú ý sự kết nối các hệ thống này với các hệ thống khác theo nhu cầu; phát triển các ứng dụng CNTT chuyên ngành phục vụ các công tác nghiệp vụ khác theo đặc thù của mỗi cơ quan.*

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp: *Xác định các nội dung phục vụ cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và*

doanh nghiệp (quy mô cung cấp, cấp hành chính cung cấp, kênh cung cấp); phát triển ứng dụng CNTT tại Bộ phận một cửa (mức độ ứng dụng, quy mô triển khai, sự kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin tại bộ phận một cửa và các hệ thống khác); phát triển các ứng dụng CNTT đặc thù khác phục vụ người dân và doanh nghiệp theo đặc thù của tỉnh/thành phố.

4. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT: Xác định những nội dung bảo đảm nguồn nhân lực ứng dụng CNTT về số lượng, chất lượng, như: tổ chức đào tạo, học hỏi kinh nghiệm, tuyên truyền nâng cao nhận thức,...

V. Giải pháp

Xác định rõ các giải pháp thực hiện Kế hoạch, có thể bao gồm (không giới hạn) các nội dung chính sau:

1. Giải pháp tài chính (chú ý việc thu hút các nguồn tài chính khác nhau, thuê dịch vụ khu vực ngoài nhà nước; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm).

2. Giải pháp triển khai (chú ý gắn chặt giữa ứng dụng CNTT và cải cách hành chính; triển khai thí điểm mô hình ứng dụng CNTT sau đó nhân rộng).

3. Giải pháp tổ chức (chú ý kiện toàn bộ máy chuyên trách CNTT các cấp).

4. Giải pháp môi trường chính sách (chú ý các chính sách thu hút nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT; quy định đặc thù quản lý ứng dụng CNTT;...).

5. Các giải pháp khác.

VI. Kinh phí thực hiện

Xác định nguồn kinh phí, dự kiến kinh phí thực hiện Kế hoạch theo các nội dung, kèm theo là Phụ lục danh mục các dự án, nhiệm vụ sẽ triển khai trong Kế hoạch theo mẫu sau:

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến tổng kinh phí	Nội dung /hạng mục công việc năm 2013	Dự kiến kinh phí năm 2013	
							NSDP hoặc NSTU (nếu có)	Nguồn khác

VII. Tổ chức thực hiện: Xác định trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai Kế hoạch.

Phụ lục II

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CNTT NĂM 2013 VÀ GIAI ĐOẠN 2013-2015

*(Kèm theo Công văn số 1750/BTTTT-CNTT ngày 09 tháng 7 năm 2012
của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

A. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Đề xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ thông tin (CNTT) năm 2013, và giai đoạn 2013-2015 phù hợp với các chương trình phát triển công nghiệp CNTT đã được phê duyệt, Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng đề nghị Quý Cơ quan chỉ đạo tổ chức thực hiện các công tác sau đây:

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2012

Căn cứ nhiệm vụ được giao năm 2012, trên cơ sở tình hình thực hiện thực tế 6 tháng đầu năm, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần tập trung đẩy mạnh công tác điều hành để thực hiện các nhiệm vụ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin một cách có hiệu quả, tiết kiệm. Cùng với việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ 2012, các UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành đánh giá tình hình triển khai thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình 6 tháng đầu năm; trong đó nêu rõ những nhiệm vụ đã thực hiện và kết quả đạt được; những vấn đề tồn tại, đánh giá chi tiết, khách quan từng nội dung, nhiệm vụ, từng dự án, tình hình triển khai kinh phí từ Ngân sách nhà nước và việc huy động các nguồn kinh phí khác để triển khai.

II. Định hướng xây dựng kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT năm 2013 và giai đoạn 2013-2015

Năm 2013 là năm bản lề để thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2015. Theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), phát triển mạnh công nghiệp CNTT là một nội dung quan trọng của phát triển hạ tầng thông tin. Do đó, kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT của các địa phương cần phải được xây dựng bài bản, công phu, bám sát tinh thần chỉ đạo của Nghị Quyết 13-NQ/TW nói trên, đảm bảo đưa CNTT trở thành một trong mười hạ tầng chủ lực để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, góp phần đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT năm 2013 và giai đoạn 2013-2015, các địa phương căn cứ điều kiện, khả năng thực tế, ưu tiên tập trung một số nội dung sau:

1. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng công nghiệp CNTT

- Các địa phương đã có quy hoạch xây dựng khu CNTT tập trung, đề nghị tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thi công các khu CNTT tập trung của địa

phương mình. Đối với các địa phương còn lại, tùy vào tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, lựa chọn các mô hình khu CNTT tập trung cho phù hợp ưu tiên bố trí quỹ đất để triển khai xây dựng;

- Tập trung xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại khu CNTT tập trung như: điện, nước, viễn thông, xử lý môi trường, phòng cháy chữa cháy... với chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu các nhà đầu tư.

- Vốn ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung được bố trí cho các nhiệm vụ sau:

- + Lập quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết Khu công nghệ thông tin tập trung, công tác chuẩn bị đầu tư;

- + Giải phóng mặt bằng, rà, phá bom, mìn, vật liệu nổ, san lấp mặt bằng, tái định cư;

- + Xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung của Khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm: hạ tầng giao thông, truyền thông, điện, nước, xử lý môi trường trụ sở Tổ chức quản lý Khu công nghệ thông tin tập trung;

- + Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đào tạo, Khu nghiên cứu - phát triển công nghệ thông tin.

2. Phát triển sản phẩm CNTT

- Căn cứ điều kiện thực tế, các địa phương đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm CNTT, trước mắt tập trung các sản phẩm phục vụ nhu cầu hoạt động của các Sở, ban, ngành, từng bước hướng tới hợp tác với doanh nghiệp để sản xuất và thương mại hóa;

- Ưu tiên kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm CNTT;

- Hoàn thiện các cơ chế chính sách để đẩy mạnh việc triển khai các dự án phát triển sản phẩm CNTT chuyên ngành theo mô hình hợp tác công - tư (PPP). Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp đối tác để thống nhất xây dựng các quy trình, cơ chế triển khai các sản phẩm, dịch vụ chuyên ngành trên nền CNTT, đảm bảo khuyến khích và tạo thuận lợi cho việc hợp tác công - tư.

3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp CNTT cho đội ngũ cán bộ tại cơ quan chuyên trách về CNTT của địa phương;

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách về CNTT các cấp;

- Tổ chức các khóa đào nâng cao trình độ, và đào tạo chuyên sâu cho nguồn nhân lực của các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn địa phương.

4. **Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại trong lĩnh vực công nghiệp CNTT**

- Ban hành các chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư trong lĩnh vực CNTT như: chính sách đất đai, chính sách thuế, chính sách tín dụng,...

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại như: cung cấp các dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp CNTT trên địa bàn; tổ chức các hội nghị, hội thảo, triển lãm và các hoạt động xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh trong và ngoài nước, xuất bản các ấn phẩm, cẩm nang và các hình thức tuyên truyền khác về ngành CNTT và truyền thông của địa phương.

III. Lập và phê duyệt kế hoạch

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao cơ quan chuyên trách về CNTT của mình xây dựng và trình kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT của địa phương năm 2013 và giai đoạn 2013-2015;

- Đề cương kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT bao gồm các nội dung chính như Phụ lục kèm theo công văn này.

IV. Kinh phí triển khai Kế hoạch

- Kinh phí triển khai các nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác tự bảo đảm. Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ xem xét, tổng hợp và kiến nghị Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ kinh phí đối một số địa phương có các dự án, nhiệm vụ quan trọng, có tác động lớn tới sự phát triển công nghiệp CNTT quốc gia.

- Kinh phí của các nhiệm vụ, dự án phát triển công nghiệp CNTT trong Kế hoạch là kinh phí khái toán dự kiến. Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt, dự toán kinh phí cụ thể cho các nhiệm vụ phát triển công nghiệp CNTT được lập, tổng hợp chung trong dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2013 và các năm tiếp theo của tỉnh/thành phố. Trình tự, thời gian lập dự toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

B. KHUNG KẾ HOẠCH

I. Căn cứ lập Kế hoạch

Nêu những căn cứ để xây dựng Kế hoạch, cụ thể như: Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT; các Chương trình phát triển công nghiệp CNTT theo các Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg, 51/2007/QĐ-TTg, 56/2007/QĐ-TTg, 75/2007/QĐ-TTg ...

II. Hiện trạng phát triển công nghiệp CNTT

Phân tích hiện trạng và đánh giá tình hình phát triển công nghiệp CNTT thời gian qua theo một số tiêu chí chính như

Một số gợi ý chính như sau:

1. Hiện trạng phát triển công nghiệp CNTT

- Nêu và phân tích hiện trạng ngành công nghiệp phần mềm, nội dung số, phần cứng điện tử và dịch vụ CNTT trên địa bàn tỉnh;
- Nguồn nhân lực phát triển công nghiệp CNTT;
- Thực trạng thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh.

2. Đánh giá tình hình phát triển công nghiệp CNTT

- Đánh giá về cơ chế chính sách phát triển công nghiệp CNTT;
- Tình hình triển khai các Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm, nội dung số, công nghiệp phần cứng điện tử theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số: 51/2007/QĐ-TTg ngày 12/4/2007, 56/2007/QĐ-TTg ngày 03/5/2007, 75/2007/QĐ-TTg ngày 28/5/2007;
- Đánh giá đầu tư của địa phương, hỗ trợ từ ngân sách trung ương và vấn đề huy động các nguồn vốn khác.

III. Mục tiêu phát triển công nghiệp CNTT năm 2013 và giai đoạn 2013-2015

- Xác định rõ chỉ tiêu phát triển theo từng năm 2013, 2014, 2015 theo từng lĩnh vực công nghiệp phần mềm, nội dung số, phần cứng điện tử, dịch vụ CNTT;
- Xác định chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp CNTT;
- Các mục tiêu khác.

IV. Nội dung kế hoạch

UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc TW khi xây dựng kế hoạch căn cứ hiện trạng phát triển công nghiệp CNTT của địa phương, căn cứ hướng dẫn của Bộ về các nội dung cần ưu tiên nói trên lập xây dựng các nội dung của Kế hoạch.

V. Giải pháp

Xác định rõ các giải pháp thực hiện Kế hoạch, có thể bao gồm các nội dung chính sau:

- Giải pháp tài chính;
- Giải pháp về triển khai;
- Giải pháp tổ chức thực hiện;
- Giải pháp môi trường chính sách;
- Các giải pháp khác và các kiến nghị với trung ương.

VI. Kinh phí thực hiện

Xác định nguồn kinh phí, dự kiến kinh phí thực hiện Kế hoạch theo các nội dung, kèm theo là Phụ lục danh mục các dự án, nhiệm vụ sẽ triển khai trong Kế hoạch theo mẫu sau:

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mô tả	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí và phân kỳ 2013, 2014, 2015				Nội dung /hạng mục công việc năm 2013
				Tổng	2013	2014	2015	

VII. Tổ chức thực hiện

Xác định trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai Kế hoạch.

Phụ lục III

ĐỀ CƯƠNG KẾ HOẠCH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG PHẦN MỀM NGUỒN MỞ NĂM 2013 VÀ GIAI ĐOẠN 2013-2015 *(Kèm theo Công văn số 1750/BTTTT-CNTT ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

A. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2012

Quý Cơ quan tổ chức đánh giá tình hình triển khai nội dung thúc đẩy ứng dụng và phát triển phần mềm nguồn mở (PMNM) phê duyệt theo Quyết định 50/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 07/2008/CT-BTTTT ngày 30/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về đẩy mạnh sử dụng PMNM trong hoạt động của cơ quan, tổ chức nhà nước; Thông tư 41/2009/TT-BTTTT ngày 30/12/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục PMNM đáp ứng yêu cầu sử dụng trong cơ quan, tổ chức nhà nước; Thông tư 19/2011/TT-BTTTT ngày 01/7/2011 ban hành quy định về áp dụng tiêu chuẩn định dạng tài liệu mở trong cơ quan nhà nước và các nội dung thúc đẩy phát triển PMNM.

II. Định hướng xây dựng Kế hoạch thúc đẩy phát triển và ứng dụng PMNM năm 2013, giai đoạn 2013-2015

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành xây dựng kế hoạch năm 2013 và giai đoạn 2013 -2015, tập trung vào nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng và phát triển PMNM tại địa phương mình theo tinh thần Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg, cụ thể:

1. Tiếp tục thực hiện việc triển khai sử dụng PMNM trên máy trạm trong các cơ quan, tổ chức nhà nước theo tinh thần Chỉ thị số 07/2008/CT-BTTTT ngày 30/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về đẩy mạnh sử dụng PMNM trong hoạt động của cơ quan, tổ chức nhà nước. Các PMNM được ưu tiên triển khai sử dụng là các PMNM trong Danh mục PMNM ban hành theo Thông tư 41/2009/TT-BTTTT ngày 30/12/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Căn cứ vào điều kiện, nhu cầu thực tế, khuyến khích các địa phương đầu tư nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện, bản địa hóa và triển khai áp dụng các sản phẩm PMNM, tập trung vào một số giải pháp, sản phẩm phục vụ công việc trong cơ quan, tổ chức nhà nước như: phần mềm công, trang thông tin điện tử; phần mềm hệ thống một cửa điện tử; phần mềm hệ thống thư điện tử; phần mềm hệ điều hành tác nghiệp; phần mềm hệ thống quản lý văn bản điều hành, phần mềm cấp phép điện tử.

3. Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực hỗ trợ ứng dụng PMNM: Tổ chức các khóa đào tạo hoặc cử cán bộ tham dự các khóa đào tạo kỹ thuật về

PMNM, ưu tiên đào tạo cho đối tượng là những cán bộ chuyên trách hoặc cán bộ có khả năng đào tạo lại cho những cán bộ công chức, viên chức khác.

B. KHUNG KẾ HOẠCH

I. Căn cứ lập kế hoạch

Cơ sở pháp lý để lập kế hoạch:

- Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17/7/2006 và Quyết định số 223/2006/QĐ-TTg ngày 04/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc đầu tư, mua sắm các sản phẩm CNTT của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Quyết định 50/2009/QĐ-TTg ngày 03/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành “Quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam”;

- Thông tư 142/2010/TTLT-BTC-BTTTT ngày 22/9/2010 về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí phát triển Công nghiệp CNTT;

- Chỉ thị số 07/2008/CT-BTTTT ngày 30/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về đẩy mạnh sử dụng PMNM trong hoạt động của cơ quan, tổ chức nhà nước;

- Thông tư số 41/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Bộ TTTT ban hành Danh mục các sản phẩm PMNM đáp ứng được yêu cầu sử dụng trong các cơ quan, tổ chức nhà nước;

- Thông tư số 19/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Bộ TTTT ban hành quy định về áp dụng tiêu chuẩn định dạng tài liệu mở trong cơ quan nhà nước.

II. Hiện trạng ứng dụng và phát triển PMNM

Phân tích hiện trạng và đánh giá tình hình ứng dụng và phát triển PMNM thời gian qua theo một số nội dung chính như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện và ban hành các cơ chế chính sách về PMNM

Tổ chức đánh giá, sơ kết, rút kinh nghiệm về:

- Tình hình triển khai PMNM thực hiện các Quyết định 169/2006/QĐ-TTg, 223/2006/QĐ-TTg, Quyết định 50/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tình hình thực hiện các văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông về PMNM bao gồm: Chỉ thị số 07/2008/CT-BTTTT ngày 30/12/2008; Thông tư 41/2009/TT-BTTTT; Thông tư 19/2011/TT-BTTTT.

- Tình hình ban hành và thực hiện các văn bản chỉ đạo điều hành liên quan đến PMNM của cơ quan, đơn vị.

2. Về công tác tổ chức triển khai sử dụng PMNM trong các hệ thống thông tin

- Hoạt động khảo sát, đánh giá hiện trạng CNTT, tính khả thi của việc triển khai PMNM.

- Tình hình cài đặt, sử dụng các PMNM trên máy trạm.

- Tình hình sử dụng PMNM trong các cơ quan nhà nước tại địa phương.

- Hiện trạng áp dụng các tiêu chuẩn mở trong các hệ thống thông tin.

3. Về hiện trạng đào tạo nhân lực ứng dụng và phát triển PMNM

- Kết quả đào tạo nhân lực sử dụng PMNM.

- Kết quả đào tạo cán bộ kỹ thuật hỗ trợ triển khai sử dụng PMNM.

4. Về hiện trạng phát triển sản phẩm, doanh nghiệp, cộng đồng, thị trường PMNM

- Hiện trạng về sản phẩm, tài liệu PMNM.

- Hiện trạng doanh nghiệp, tổ chức CNTT cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ về PMNM.

- Hiện trạng thị trường PMNM.

- Hiện trạng các tổ chức, trung tâm nghiên cứu về PMNM, các cộng đồng PMNM.

5. Về kinh phí cho PMNM

- Hiện trạng bố trí vốn từ ngân sách nhà nước cho PMNM.

- Tỷ trọng đầu tư cho PMNM trong các dự án CNTT, so với phần mềm thương mại, so với tổng mức đầu tư.

6. Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất

III. Mục tiêu thúc đẩy phát triển và ứng dụng PMNM năm 2013 và giai đoạn 2013-2015

Xác định rõ mục tiêu thúc đẩy phát triển và ứng dụng PMNM theo từng năm 2013, 2014, 2015 theo từng chỉ tiêu như sau:

1. Về triển khai sử dụng PMNM trong cơ quan nhà nước

2. Về đào tạo nguồn nhân lực ứng dụng và phát triển PMNM

3. Về phát triển doanh nghiệp PMNM

4. Về nghiên cứu phát triển sản phẩm, tài liệu PMNM

5. Về kinh phí cho PMNM

IV. Nội dung kế hoạch

Căn cứ hiện trạng ứng dụng và phát triển PMNM tại địa phương và hướng dẫn của Bộ TTTT trên đây, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động xây dựng nội dung Kế hoạch ứng dụng và phát triển PMNM của địa phương mình giai đoạn 2013-2015.

V. Giải pháp

Xác định rõ các giải pháp thực hiện Kế hoạch, có thể bao gồm các nội dung chính sau:

- Giải pháp tài chính;
- Giải pháp triển khai;
- Giải pháp tổ chức thực hiện;
- Giải pháp môi trường chính sách;
- Các giải pháp khác và các kiến nghị.

VI. Kinh phí thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện kế hoạch của mình. Việc xây dựng dự toán kinh phí căn cứ theo Thông tư số 142/2010/TTLT-BTC-BTTTT ngày 22/9/2010 của Bộ Tài chính - Bộ TT&TT về Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và các quy định hiện hành liên quan.

2. Xác định nguồn kinh phí, dự kiến kinh phí thực hiện Kế hoạch theo các nội dung, kèm theo là Phụ lục danh mục các dự án, nhiệm vụ sẽ triển khai trong Kế hoạch theo mẫu sau:

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mô tả	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí và phân kỳ 2013, 2014, 2015				Nội dung /hạng mục công việc năm 2013
				Tổng	2013	2014	2015	

VII. Tổ chức thực hiện

Xác định trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai Kế hoạch.

Phụ lục IV
ĐỀ CƯƠNG KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN SỐ
NĂM 2013 VÀ GIAI ĐOẠN 2013-2015
(Kèm theo Công văn số 1750/BTTTT-CNTT ngày 09 tháng 7 năm 2012
của Bộ Thông tin và Truyền thông)

A. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2012

Quý Cơ quan tổ chức đánh giá tình hình triển khai nội dung đảm bảo an toàn thông tin số (ATTTs) thực hiện theo Nghị định số 64/2007/NĐ-CP và Nghị định số 90/2008/NĐ-CP, và tình hình triển khai Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020, Chỉ thị số 897/CT-TTg ngày 10/06/2011 của Thủ tướng CP về việc tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số, Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT và Thông tư số 27/2011/TT-BTTTT về lĩnh vực an toàn thông tin, và các quy định khác của các bộ, ngành, địa phương.

II. Định hướng xây dựng Kế hoạch thúc đẩy phát triển đảm bảo ATTTs năm 2013, giai đoạn 2013-2015

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành xây dựng kế hoạch năm 2013 và giai đoạn 2013-2015, tập trung vào nhiệm vụ đẩy mạnh hoạt động đảm bảo và nâng cao năng lực ATTTs tại bộ, ngành, địa phương mình theo tinh thần Quyết định số 63/QĐ-TTg, cụ thể:

1. Tiếp tục thực hiện xây dựng chính sách ATTTs nhằm bảo vệ cơ sở hạ tầng thông tin, duy trì hoạt động ổn định, giảm thiểu thiệt hại do sự cố an toàn thông tin (ATTT).

2. Kiện toàn bộ máy bảo đảm ATTT. Cử cán bộ, thành lập tổ chức chuyên trách bảo đảm ATTT. Mở rộng mạng lưới ứng cứu sự cố và bảo đảm ATTTs. Chú trọng phát triển đội ngũ chuyên gia ATTTs.

3. Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin cho người sử dụng mạng. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và trình độ kỹ thuật về ATTTs cho lãnh đạo và cho cán bộ làm việc trong môi trường mạng. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng.

4. Triển khai các biện pháp quản lý về an toàn thông tin. Xây dựng các quy chế, quy trình bảo đảm ATTT tuân thủ các quy định của pháp luật về ATTT, dựa trên các tiêu chuẩn về ATTT.

Xây dựng các biện pháp quản lý ATTT: quản lý và vận hành hệ thống, khắc phục điểm yếu, phòng chống mã độc hại, sao lưu hệ thống, khắc phục sự cố, quản lý rủi ro, phối hợp với các cơ quan chức năng về ATTT.

Triển khai giám sát việc thực hiện các biện pháp quản lý ATTT.

5. Triển khai các biện pháp kỹ thuật về an toàn thông tin. Bảo đảm ATTT cho các dự án đầu tư xây dựng mới/nâng cấp hệ thống thông tin tuân thủ tiêu chuẩn ATTT. Định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá hệ thống thông tin để bổ sung các biện pháp kỹ thuật bảo vệ cần thiết. Theo dõi, giám sát, hiệu chỉnh các hệ thống bảo vệ an toàn thông tin.

Triển khai ứng dụng chữ ký số và hạ tầng khóa công khai, ứng dụng mật mã bảo vệ bí mật thông tin.

Các cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ qua mạng cần chú trọng xây dựng các hệ thống ATTT như: Hệ thống bảo vệ truy cập nhiều lớp; Hệ thống bảo vệ dữ liệu (khách hàng, nghiệp vụ,...); Hệ thống cảnh báo sự cố; Hệ thống hỗ trợ khách hàng; Hệ thống sao lưu dữ liệu dự phòng; Hệ thống sao lưu dữ liệu phục vụ công tác điều tra tội phạm mạng ...

6. Tăng cường đầu tư nghiên cứu, phát triển các giải pháp, sản phẩm nội địa phục vụ an toàn bảo mật thông tin trong cơ quan, tổ chức nhà nước.

B. KHUNG KẾ HOẠCH

I. Căn cứ lập Kế hoạch

Nêu những căn cứ để xây dựng Kế hoạch, cụ thể như: Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP và Nghị định số 90/2008/NĐ-CP, Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020, Chỉ thị số 897/CT-TTg ngày 10/06/2011 của Thủ tướng CP về việc tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số, Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT và Thông tư số 27/2011/TT-BTTTT, Quyết định của Bộ, UBND tỉnh/thành phố phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2011-2015 của bộ, tỉnh/thành phố;...

II. Hiện trạng đảm bảo ATTTs trong hoạt động của cơ quan nhà nước

Đánh giá tình hình bảo đảm ATTTs như yêu cầu trong mục 1 phần A, nêu rõ các khó khăn, tồn tại về các nội dung bảo đảm ATTT trong các cơ quan nhà nước

của tỉnh/thành phố, bộ, cơ quan ngang bộ (thống kê tối thiểu đến cấp quận/huyện, sở/ban/ngành). Cụ thể như:

1. Môi trường chính sách: Nêu hiện trạng về việc ban hành các quy hoạch, kế hoạch, chính sách, quy chế, quy định... để bảo đảm ATTTs. Việc kiểm tra, đánh giá tính tuân thủ đối với các chính sách đã ban hành.

2. Hạ tầng kỹ thuật: Nêu hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo đảm ATTT đã được trang bị, tình trạng và hiệu quả hoạt động phục vụ các hệ thống CNTT (các loại giải pháp, thiết bị/hệ thống phần cứng/phần mềm ATTT đang có và tình trạng cập nhật; tỷ lệ trên số mạng LAN hoặc số hệ thống cần bảo vệ, đặc biệt cần mô tả cho các hệ thống quan trọng như hệ thống thư điện tử, hệ thống quản lý văn bản phục vụ chỉ đạo và điều hành, hệ thống công thông tin điện tử, hệ thống nghiệp vụ quan trọng khác...).

3. Đánh giá nhu cầu chi phí và thực tế đầu tư cho ATTT

Xây dựng Bảng tổng hợp chung đánh giá về nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ ATTT đáp ứng các mục tiêu cần đạt cho các dự án CNTT chung hoặc các dự án/nhiệm vụ đặc thù về ATTT. Khả năng cân đối của ngân sách địa phương và thu hút nguồn vốn hợp pháp khác (vốn xã hội hóa), cụ thể như sau:

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến tổng kinh phí		Vốn đã bố trí hết năm 2011		Vốn bố trí năm 2012		Nhu cầu kế hoạch 2013	
					Ngân sách địa phương	Vốn hợp pháp khác	Ngân sách địa phương	Vốn hợp pháp khác	Ngân sách địa phương	Vốn hợp pháp khác	Ngân sách địa phương	Vốn hợp pháp khác
I	Các dự án/ nhiệm vụ độc lập về ATTT											
1												
...												
II	Các dự án/nhiệm vụ thành phần về ATTT lồng ghép trong dự án, nhiệm vụ CNTT khác											
1												
...												

+ Đối với các nhiệm vụ thực hiện từ nguồn kinh phí chi thường xuyên có thể làm thành biểu riêng, trong đó nêu rõ phần kinh phí chi từ ngân sách địa phương, phần hỗ trợ từ ngân sách Trung ương;

+ Đối với các nhiệm vụ được xây dựng thành các dự án đầu tư phát triển nêu rõ phần vốn đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương, phần vốn hỗ trợ từ NS Trung ương (nếu có) và phần vốn do doanh nghiệp đầu tư (xã hội hóa).

4. Hiện trạng về nguồn nhân lực bảo đảm ATTT: Nêu hiện trạng về việc bảo đảm nguồn nhân lực ATTT, cụ thể như: cơ cấu tổ chức quản lý và đảm bảo ATTT các cấp; số lượng, trình độ, kỹ năng về ATTT của các cán bộ chuyên trách, cán bộ,

công chức được bồi dưỡng về ATTTs; các lĩnh vực, vị trí về ATTT đặc biệt thiếu nhân lực; ...

5. Rút kinh nghiệm các bài học thực tiễn triển khai hiệu quả và kém hiệu quả về ATTT.

III. Mục tiêu phát triển ATTTs

Xác định rõ mục tiêu triển khai theo từng năm 2013, 2014, 2015 đối với các mục tiêu của Quyết định 63/QĐ-TTg, Chỉ thị số 897/CT-TTg, và mục tiêu thuộc Kế hoạch ứng dụng CNTT 2011-2015 của cơ quan, với các chỉ tiêu cụ thể về từng mặt như sau:

1. Về bảo đảm ATTT cho các hệ thống CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước;
2. Về bảo đảm ATTT cho các hệ thống cung cấp thông tin công cộng và dịch vụ công;
3. Về bảo đảm ATTT trong môi trường mạng cho doanh nghiệp và cộng đồng;
4. Về đào tạo nguồn nhân lực ATTT.
5. Về nghiên cứu phát triển giải pháp, sản phẩm nội địa.
6. Về phát triển doanh nghiệp/tổ chức cung cấp dịch vụ ATTT.
7. Về kinh phí cho ATTT.

IV. Nội dung kế hoạch

Các Bộ, ngành, UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc TW khi xây dựng kế hoạch căn cứ hiện trạng ATTT, căn cứ hướng dẫn của Bộ TTTT về các nội dung cần ưu tiên nói trên lập xây dựng các nội dung của Kế hoạch.

V. Giải pháp

Xác định rõ các giải pháp thực hiện Kế hoạch, có thể bao gồm:

- Giải pháp tài chính;
- Giải pháp về triển khai;
- Giải pháp tổ chức thực hiện;
- Giải pháp môi trường chính sách;
- Các giải pháp khác và các kiến nghị.

VI. Kinh phí thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Quý Cơ quan ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện kế hoạch phát triển ATTTs. Việc xây dựng dự toán kinh phí căn cứ theo các quy định hiện hành có liên quan.

2. Xác định nguồn kinh phí, dự kiến kinh phí thực hiện Kế hoạch theo các nội dung, kèm theo là Phụ lục danh mục các dự án, nhiệm vụ sẽ triển khai trong Kế hoạch theo mẫu sau:

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mô tả	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí và phân kỳ 2013, 2014, 2015				Nội dung/hạng mục công việc năm 2013
				Tổng	2013	2014	2015	
I.	Các dự án/ nhiệm vụ độc lập về ATTT							
1								
...								
II.	Các dự án/nhiệm vụ thành phần về ATTT lồng ghép trong dự án, nhiệm vụ CNTT khác							
1								
...								

VII. Tổ chức thực hiện

Xác định trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai Kế hoạch.

Phụ lục V

CÁC NỘI DUNG KHÁC THUỘC ĐỀ ÁN ĐƯA VIỆT NAM SỚM TRỞ THÀNH NƯỚC MẠNH VỀ CNTT-TT (THEO QUYẾT ĐỊNH 1755/QĐ-TTg)

(Kèm theo Công văn số 1750/BTTTT-CNTT ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

Các địa phương căn cứ vào mục tiêu của Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 1755/QĐ-TTg và Kế hoạch triển khai Đề án của địa phương để xác định các mục tiêu phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế tại Địa phương mình. Mục tiêu đặt ra cần bám sát các mục tiêu của Đề án, rõ ràng, cụ thể, thuận lợi cho công tác kiểm tra, đánh giá, đảm bảo tính khả thi nhằm đẩy mạnh việc triển khai các nhiệm vụ, góp phần cao nhất cho việc triển khai Đề án trên toàn quốc.

Đối với các tỉnh/thành phố đã tự cân đối được ngân sách cần triển khai đồng bộ tất cả các nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực nêu trên. Đặc biệt, các thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị chú trọng ưu tiên bố trí nguồn lực của Địa phương cho các lĩnh vực: phát triển nguồn nhân lực CNTT, phát triển công nghiệp CNTT, phát triển các khu CNTT tập trung, ứng dụng CNTT và tăng cường năng lực nghiên cứu-phát triển trong lĩnh vực CNTT-TT.

Đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách cần chú trọng các lĩnh vực: ứng dụng CNTT, phát triển nguồn nhân lực CNTT, phổ cập thông tin đến hộ gia đình, và phát triển công nghiệp CNTT. Bên cạnh đó, tùy theo điều kiện thực tế và tiềm năng của địa phương mình, lựa chọn các nội dung nhiệm vụ phù hợp thuộc các lĩnh vực còn lại để triển khai thực hiện một cách có hiệu quả.

B. HƯỚNG DẪN CÁC NHIỆM VỤ

I. Về phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

1) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2015 và định hướng tới năm 2020 được phê duyệt theo Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước dài hạn và hàng năm được phê duyệt để xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về CNTT cho cán bộ, công chức và viên chức thuộc quyền quản lý. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và triển khai các hoạt động phổ cập kiến thức CNTT cho các tổ chức và nhân dân trong địa phương mình.

2) Thu thập và cung cấp thông tin dự báo về nguồn nhân lực CNTT-TT tại địa phương.

3) Xây dựng các tiêu chí, cơ cấu nguồn nhân lực CNTT cần đào tạo phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế tại địa phương.

4) Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, tạo cơ chế đặc thù trong phạm vi thẩm quyền của địa phương để hỗ trợ cho các cơ sở đào tạo, nghiên cứu trọng điểm về CNTT hoạt động tại địa phương.

5) Đẩy mạnh tổ chức các khoá đào tạo nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao, các chuyên gia tư vấn, phân tích thiết kế, xây dựng và quản lý hệ thống CNTT.

6) Tổ chức các khoá đào tạo kỹ năng sử dụng CNTT trong xã hội, góp phần nâng cao dân trí.

7) Hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển loại hình đào tạo trực tuyến trên cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng.

II. Về tiếp tục phát triển và hoàn thiện hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin

1) Hoàn thiện hạ tầng viễn thông băng rộng

Phối hợp với Bộ TTTT và các doanh nghiệp viễn thông để xây dựng và mở rộng mạng băng rộng tại địa phương minh phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân và công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước tại địa phương.

Chỉ đạo các doanh nghiệp CNTT-TT tại địa phương phối hợp trong việc thực hiện xã hội hóa và phát triển hạ tầng viễn thông.

Phát triển các điểm truy cập công cộng tại các địa điểm thích hợp với từng địa phương, cơ sở như: các trường học, nhà văn hoá xã, đồn biên phòng, điểm bưu điện - văn hoá xã và các trung tâm giáo dục cộng đồng,... để lắp đặt thiết bị nhằm thu hút và tạo điều kiện tốt nhất cho người dân có thể khai thác, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ điện thoại cố định và truy cập Internet.

Phối hợp với các Bộ, ngành và các doanh nghiệp liên quan để đẩy nhanh việc cáp quang hoá và ngầm hoá các đường cáp để bảo đảm chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị, đặc biệt là dọc các tuyến đường, phố chính tại các trung tâm đô thị lớn.

Chỉ đạo và hỗ trợ cho các đài phát thanh truyền hình địa phương thực hiện lộ trình số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất.

2) Tiếp tục hoàn thiện Mạng viễn thông chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước

Phối hợp với các doanh nghiệp liên quan để tiếp tục triển khai xây dựng Mạng viễn thông chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước đến cấp xã, phường theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ TTTT, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và kết nối thông suốt phục vụ phát triển mọi dịch vụ theo yêu cầu.

3) Phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan trong việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển Chính phủ điện tử.

4) Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin số tại địa phương.

III. Về xây dựng và triển khai các giải pháp hỗ trợ phù hợp để phổ cập thông tin đến các hộ gia đình

Ưu tiên sử dụng vốn từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác để hỗ trợ một phần kinh phí trang bị các thiết bị thông tin số cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền của Đảng, Nhà nước;

Hỗ trợ các thiết bị thông tin số phục vụ khả năng tiếp cận thông tin cho người cao tuổi và người khuyết tật.

IV. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, tăng cường năng lực nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông. Trong đó, tập trung ưu tiên các hạng mục sau:

1) Nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển về CNTT của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn.

2) Ưu tiên đầu tư nghiên cứu sáng tạo, mua hoặc chuyển giao công nghệ mới nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mang thương hiệu Việt Nam có khả năng cạnh tranh và xuất khẩu cao như các thiết bị thông minh, các phần mềm nhúng, các thiết bị tiết kiệm điện, ...

Có cơ chế hỗ trợ, đầu tư cho các doanh nghiệp lớn về CNTT-TT của Việt Nam tại địa phương tham gia nghiên cứu và phát triển, thương mại hoá các kết quả nghiên cứu. Sản xuất, lắp ráp các thiết bị đầu cuối phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và nhu cầu thị trường ở Việt Nam.

C. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Quý Cơ quan ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các nội dung nói trên. Việc xây dựng dự toán kinh phí căn cứ theo các quy định hiện hành có liên quan.

2. Xác định nguồn kinh phí, dự kiến kinh phí thực hiện Kế hoạch theo các nội dung, kèm theo là Phụ lục danh mục các dự án, nhiệm vụ sẽ triển khai trong Kế hoạch theo mẫu sau:

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến tổng kinh phí	Nội dung /hạng mục công việc năm 2013	Dự kiến kinh phí năm 2013	
							NSDP hoặc NSTU (nếu có)	Nguồn khác